

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** P.Chờ E303**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 8h00**Ngày thi:** 21/04/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0284	Lã Minh	Anh	25/02/1997			
2	TA0285	Nguyễn Bá Đức	Anh	02/09/1999			
3	TA0286	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	07/06/1998			
4	TA0287	Nguyễn Tuấn	Anh	20/02/1999			
5	TA0288	Phạm Hoàng	Anh	21/09/1999			
6	TA0289	Phạm Trung Tuan	Anh	09/02/1999			
7	TA0290	Trần Quang	Anh	10/08/1998			
8	TA0291	Nguyễn Lương	Bằng	13/10/1999			
9	TA0292	Vũ Thành	Công	23/06/1999			
10	TA0293	Nguyễn Quang	Đạo	02/12/1999			
11	TA0294	Hà Quốc	Đạt	26/06/1998			
12	TA0295	Phạm Quốc	Đạt	15/01/1999			
13	TA0296	Đỗ Trọng	Đức	13/11/1999			
14	TA0297	Nguyễn Tấn	Dũng	15/07/1999			
15	TA0298	Nguyễn Việt	Dũng	02/12/1998			
16	TA0299	Nguyễn Huy	Dương	18/09/1999			
17	TA0300	Nguyễn Đức	Duy	03/07/1999			
18	TA0301	Bùi Minh	Hải	13/06/1999			
19	TA0302	Lê Duy	Hiếu	28/03/1999			
20	TA0303	Đào Xuân	Hòa	12/04/1998			
21	TA0304	Vũ Đức	Hòa	24/09/1998			
22	TA0305	Nguyễn Huy	Hoàng	23/07/1999			
23	TA0306	Trịnh Việt	Hùng	24/12/1999			
24	TA0307	Nguyễn Tất	Hưng	15/09/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất*(ký ghi rõ họ tên)***Cán bộ coi thi thứ hai***(ký ghi rõ họ tên)*